

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1998; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 2001; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; có mặt.
- Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1963; có mặt.
- UBND thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.
- UBND phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Học Đ - Chủ tịch UBND phường Quảng T, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bố ông là cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1973), mẹ ông là cụ Lê Thị N (chết ngày 20/10/2008) có 08 người con, trong đó ông Nguyễn Văn M đã hy sinh, ông M có vợ là bà Trần Thị T2 nhưng chưa có con. Khi còn sống bố mẹ ông khai hoang tạo lập được 01 lô đất rộng hơn 1.100m² và xây dựng căn nhà ngói 5 gian cấp 4 lợp ngói ngày xưa và 3 gian nhà cấp 4 ngang trên đất. Do ông Nguyễn Văn M là con trưởng hy sinh năm 1972, chưa có con nên ông Nguyễn Văn M1 là con thứ hai được coi như là con trưởng. Khi Nhà nước có chủ trương kê khai nhà đất thì ông M1 là người đứng ra để kê khai và đứng tên trong các giấy tờ hồ sơ địa chính, bản đồ tại cơ quan có thẩm quyền. Một số anh, chị ông đã có gia đình và chỗ ở riêng ổn định, chỉ có 3 anh, em ông là ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn D và ông là Nguyễn Văn T không có đất ở nên được mẹ chia đất. Ngày 8/10/2006 (lúc này đất vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) mẹ ông để lại di chúc chia cho 3 anh em ông là Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn D và ông. Theo đó, ông và ông Nguyễn Văn D được chia mỗi người 125m² (5m x 25m), số đất còn lại cho anh Nguyễn Văn M1 là con trai lớn, đứng đầu họ thờ gia tiên. Toàn bộ di chúc của mẹ ông đều được các anh, chị, em trong gia đình đồng thuận. Sau khi được chia đất, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông phải vào miền Nam làm ăn, nhờ ông M1 trông coi phần diện tích đất ông được chia. Ngày 17/4/2017, ông M1 đã gọi anh, chị, em trong gia đình đến họp để giao cho ông và ông D phần đất mà mẹ ông đã di chúc lại và cho thêm ông D chiều rộng mặt đường là 5,7m chiều dài kéo hết phần đất, phía Nam giáp hộ ông bà, phía Bắc giáp hộ ông M1, phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất ông T (là ông); cho ông chiều rộng mặt đường là 5,7m, chiều dài kéo hết phần đất, phía Nam giáp hộ anh Đ1, phía Bắc giáp nhà ông M1. Việc giao đất có lập biên bản, mọi người trong gia đình đều đồng ý. Sau khi chia đất xong, ông lại đi Miền Nam làm ăn, vẫn nhờ gia đình ông

M1 trông coi đất.

Ngày 25/10/2017, ông Nguyễn Văn M1 chết. Đầu năm 2019, ông đã chuẩn bị được tiền về xây nhà, nhưng anh Nguyễn Văn T1 (là con ông M1) đã tự ý làm nhà mái tôn lên phần đất của ông, ông đã đề nghị anh T1 tháo dỡ nhà tôn để ông lấy đất làm nhà, nhưng anh T1 không đồng ý và tự ý làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Nguyễn Văn T1. Biết được sự việc đó, ông đã làm đơn đề nghị UBND phường Quảng T giải quyết, nhưng điều hòa giải không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE 102749 do UBND thị xã Sầm S (nay là thành phố Sầm S), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/5/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M1 với diện tích là 1.100m² đất ở tại đô thị, tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thị xã Sầm S, tỉnh Thanh Hóa; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 255114 do UBND thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/12/2018, mang tên anh Nguyễn Văn T1 với diện tích là 622,8m² đất ở tại đô thị, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa; chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn M1 (là bố anh). Bố anh kết hôn với bà Ngô Thị L năm 1971 tại thôn Khang P, xã Quảng T (nay là khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S). Quá trình chung sống, bố mẹ anh có nhà đất ở tại thôn Khang P, xã Quảng T, Sầm S. Bốn anh em anh đều sinh ra và lớn lên tại thửa đất trên.

Năm 1985, UBND thị xã Sầm S thực hiện Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, lập Bản đồ 299, sổ mục kê nhà đất nhằm quản lý đất đai, xác định chủ sở hữu quyền sử dụng đất, thửa đất ở của bố anh thuộc thửa đất số 1472, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.100m², loại đất thổ cư, mục kê mang tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn M1. Năm 1995, UBND thị xã Sầm S khảo sát, đo đạc lập bản đồ 382, thửa đất của bố mẹ anh thuộc thửa 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.422m², loại đất thổ cư, mang tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn M1. Quá trình sử dụng đất, bố mẹ anh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, thửa đất ở không có tranh chấp, phù hợp với qui hoạch khu dân cư, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai nên ngày 29/9/2009 bố anh đã được UBND thị xã Sầm S đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02313.QĐ: 1274/QĐ-UB tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m². Năm 2010, thực hiện việc đo đạc lập hồ sơ kỹ thuật thửa đất là thửa số 63, tờ bản đồ 39, diện

tích 1.241,6m², loại đất thổ cư, mang tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn M1. Ngày 12/5/2011, UBND thị xã Sầm S cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố anh theo Giấy chứng nhận số BE 102749, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00. 325 tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m², đất ở tại đô thị.

Đối với nguồn gốc thửa đất anh được UBND thành phố Sầm S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 255114 ngày 06/12/2018 là do anh được nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bố mẹ để lại. Bố anh mất ngày 25/10/2017, mẹ anh mất ngày 05/6/2005 đều không lập di chúc nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố mẹ anh đã họp gia đình thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại theo pháp luật. Theo đó, anh được chia và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 622,8m² đất ở. Phần còn lại, UBND thành phố Sầm S cũng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các em anh. Sau khi được nhận thừa kế 622,8m² đất ở, ngày 13/12/2018 anh đã chuyển nhượng 100m² đất cho chị Dương Thị N1, địa chỉ khu phố Hải V, phường Quảng T, thành phố Sầm S sử dụng, hiện tại gia đình chị N1 đã xây dựng nhà ở kiên cố sinh sống ổn định trên đất nên thửa đất của anh chỉ còn diện tích 522,8m².

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Sầm S cấp ngày 12/05/2011 mang tên bố anh là ông Nguyễn Văn M1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 6/12/2018 mang tên anh: UBND thị xã Sầm S (nay là UBND thành phố Sầm S) cấp cho ông Nguyễn Văn M1 và anh hoàn toàn đúng thẩm quyền, đúng qui định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đúng đối tượng sử dụng đất, đúng nguồn gốc, đúng mục đích sử dụng đất cho nên không có căn cứ để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn M1 và anh.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.100m² tại khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S: Anh không đồng ý vì thửa đất này bố anh là ông Nguyễn Văn M1 đứng tên chủ sử dụng đất tại hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương qua các thời kỳ. Thửa đất tranh chấp không thể hiện nguồn gốc đất và chủ sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Văn H và cụ Lê Thị N nên không có cơ sở để chia di sản thừa kế.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Văn B trình bày: Đất có nguồn gốc sở hữu của bố mẹ ông. Ông M1 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc nào ông không biết. Ông và ông D đã có đất nên không yêu cầu gì về đất đai. Tuy nhiên, việc ông T khởi kiện

muốn anh T1 trả lại đất cho ông thì ông cũng thống nhất với quan điểm của ông T.

- Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của ông T, đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên anh T1, trả lại đất mẹ chia cho ông T; số diện tích đất còn lại giải quyết theo pháp luật.

- Bà Trần Thị T2 trình bày: Mảnh đất hiện nay anh T1 đang ở là của ông bà để lại. Ông T vào miền Nam đi làm thuê sau mới trở về. Hôm ông M1 thống nhất chia đất cho ông T, bà cũng có mặt. Vì vậy, việc ông T yêu cầu Tòa án trả lại đất thì bà cũng đồng ý và đề nghị giải quyết thừa kế theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông đồng ý với phần trình bày của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- UBND thành phố Sầm S trình bày: Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M1:

Theo hồ sơ 299TTg thuộc thửa số 1472, tờ bản đồ số 01, diện tích 1100m², loại đất T, đăng ký sử dụng ông Nguyễn Văn M1; Theo hồ sơ 382 đo năm 1995 thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.422m, loại đất T - CLN, đăng ký sử dụng ông Nguyễn Văn M1; theo biên bản kiểm tra ngày 16/6/2008 của UBND xã Quảng T (nay là UBND phường Quảng T), thửa đất đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M1 có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch. Căn cứ hồ sơ qua các thời kỳ, kết quả xác nhận thời điểm và nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Quảng T, UBND thị xã Sầm S (nay là UBND thành phố Sầm S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M1 là đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn T1: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn T1 (được nhận thừa kế tách ra từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M1, diện tích 1.100m², tờ bản đồ số 10 được UBND thị xã Sầm S cấp ngày 29/9/2009, cấp đổi lại ngày 12/5/2011) là đúng quy định của pháp luật.

UBND thành phố Sầm S cung cấp thông tin như trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết theo quy định.

- UBND phường Quảng T trình bày:

Tại hồ sơ 299 đo năm 1985 thửa số 1472 tờ bản đồ số 01 loại đất T, diện tích 1110 m² mang tên Nguyễn Văn M1; Tại hồ sơ 382 đo năm 1995 thửa số 84 tờ bản đồ số 10 loại đất T, diện tích 1422.0m² (trong đó: đất ở: 400.0m², đất vườn: 1022.0m²) mang tên: Nguyễn Văn M1 (ông Nguyễn Văn M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 10 diện tích 1100,0 m²); đến hồ sơ 2010 khu đất đăng ký tại thửa đất số 63 tờ bản đồ số 39 mang tên ông Nguyễn Văn M1, diện tích 1241.6m² loại đất ODT. Trên bản đồ và sổ mục kê lưu trữ tại UBND phường tại vị trí đất ông Nguyễn Văn M1 đứng tên sử dụng ngoài ra

không còn ai đứng tên khác.

Về việc biến động của các thửa đất: Ngày 12/5/2011, ông Nguyễn Văn M1 được UBND thị xã Sầm S (Nay là thành phố Sầm S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 10 diện tích 1100,0 m², theo số seri CQ: 255 114 số vào sổ CH : 00325 QĐ: 1274/QĐ-UBND mang tên Nguyễn Văn M1. Sau khi ông Nguyễn Văn M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 22 tháng 02 năm 2017 ông Nguyễn Văn M1 đã tách cho con trai là anh Nguyễn Văn T1 một phần diện tích là 113,0 m² và anh Nguyễn Văn T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Văn M1 chết. Khu đất mà ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được các con của ông lập văn bản phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng công chứng Lê Văn K lập ngày 4 tháng 10 năm 2018 theo số chứng thực 3749 quyền số 02/2018TP/CC-SCC-HĐGD và được tách thành 04 thửa đất thể như sau:

- Thửa đất số 63 tờ bản đồ số 39 diện tích 622.8m² mang tên Nguyễn Văn T1, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03105 cấp ngày 06/12/2018 nguồn gốc nhận thừa kế. Sau khi nhận thừa kế, anh Nguyễn Văn T1 chuyển nhượng diện tích 100.0m² tách thửa 164 cho bà Dương Thị N1.

- Thửa đất 148 diện tích 118.0m² mang tên anh Nguyễn Văn Q1.

- Thửa đất 146 diện tích 121.4m² mang tên anh Nguyễn Văn H1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/12/2018, số vào sổ CH 03103 nguồn gốc nhận thừa kế. Anh Nguyễn Văn H1 thực hiện chuyển nhượng lại cho anh Lê Văn L1, anh Lê Văn L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 003347 ngày 11/9/2019. Anh Lê Văn L1 thực hiện chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Văn H1 ngày 25/9/2019.

- Thửa đất 147 diện tích 124.3m² mang tên anh Nguyễn Văn P, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 06/12/2018, số vào sổ CH 03104 nguồn gốc nhận thừa kế. Anh Nguyễn Văn P chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H1, anh H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03348 ngày 13/9/2019. Anh Nguyễn Văn H1 chuyển nhượng toàn bộ cho anh Vũ Tiến T5 ngày 25/9/2019.

- Tháng 12 năm 2017, các em ông M1 là ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N2 có đơn đề nghị đến UBND phường Quảng T và Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Sầm Sơn.

- Ngày 23 tháng 01 năm 2018, UBND phường Quảng T mời các ông, bà có đơn và anh Nguyễn Văn T1 (con ông Nguyễn Văn M1) lên UBND phường để làm việc, nhưng các ông, bà không đến để làm việc. Tháng 5 năm 2018, anh Nguyễn

Văn T1 có đơn đề nghị được giải quyết đất đai giữa anh với các ông B, D, D1 và ông Nguyễn Văn T.

- Ngày 4 tháng 5 năm 2018, UBND thành phố Sầm S có Công văn số 1587/UBND-VP về việc giải quyết đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn T1 khu phố Khang P, phường Quảng T.

- Ngày 15/6/2018, UBND phường Quảng T mời lần II đối với các ông, bà có liên quan nhưng các ông B, ông D, ông D1, ông T và anh T1 (con ông Nguyễn Văn M1) không đến làm việc.

- Ngày 29/6/2018, UBND phường Quảng T tiếp tục mời các ông có liên quan và anh Nguyễn Văn T1 lần thứ III (anh T1 là con ông Nguyễn Văn M1) lên UBND phường làm việc, nhưng các ông vẫn không đến để hòa giải theo quy định.

Sau 03 lần cả hai bên có đơn, UBND phường đã mời lên làm việc nhưng các bên không đến làm việc. UBND phường đã có Văn bản số 262/BC-UBND ngày 6 tháng 7 năm 2018 báo cáo UBND thành phố Sầm S về việc giải quyết đơn đề nghị của anh Nguyễn Văn T1. Đồng thời, UBND phường có Thông báo số 263/TB-UBND ngày 6/7/2018 trả lại đơn đề nghị cho các bên.

Kể từ khi có thông báo cho các ông, bà có đơn liên quan thì ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N2 không có ý kiến về việc tranh chấp với khu đất trên cho đến ngày 11/6/2019 ông Nguyễn Văn T có đơn lên UBND phường Quảng T.

Ngày 19/6/2019, UBND phường Quảng T tổ chức hội nghị làm việc với các hộ gia đình cá nhân có liên quan. Tại buổi làm việc anh Nguyễn Văn T1 (con ông M1) khẳng định việc ông Nguyễn Văn T được chia đất từ bố là ông Nguyễn Văn M1 là đúng thực tế. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang mang tên anh Nguyễn Văn T1 đã thế chấp tại Ngân hàng. Ông Nguyễn Văn T hiện đi làm ăn xa nên gia đình anh Nguyễn Văn T1 xin tiếp tục mượn để kinh doanh, khi gia đình anh T1 lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ làm thủ tục sang tên cho ông T.

Ngày 02/7/2019, UBND phường Quảng T tiếp tục tổ chức hòa giải, anh Nguyễn Văn T1 vẫn muốn hai bên tự thỏa thuận, nhưng hai bên không thỏa thuận được. Nếu ông Nguyễn Văn T có nguyện vọng chuyển đơn đến Tòa án thì UBND phường Quảng T sẽ cung cấp hồ sơ để gia đình yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị T3 và chị Nguyễn Thị T4 không cung cấp tài liệu và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất”.

-Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 102749 do UBND thị xã Sầm S (nay là thành phố Sầm S), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12/5/2011 mang tên ông Nguyễn Văn M1, với diện tích là 1.100m² đất ở tại đô thị tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 255114 do UBND thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/12/2018 mang tên anh Nguyễn Văn T1 với diện tích là 622,8m² đất ở tại đô thị, tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm S, tỉnh Thanh Hóa.

- Xác định di sản thừa kế của cụ H, cụ N là quyền sử dụng tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 10 diện tích 1.100 m² tại khu phố Khang P, phường Quảng T, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Công nhận bản di chúc ngày 08/10/2006 của cụ Lê Thị N hợp pháp một phần.

- Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất rộng 5m x dài 25m = 125m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Khu phố Khang P, phường Quảng T, thị xã Sầm S, tỉnh Thanh Hóa, có các cạnh như sau: Phía Tây giáp đường Trần Nhật Duật rộng 5m; phía Nam giáp đất nhà Đua H2 dài 25m; phía Đông giáp đất ông D được chia (đã bán) rộng 5m; phía Bắc giáp đất anh T1 đang quản lý dài 25m.

Trên đất có công trình xây dựng tạm anh T1 tự làm nên phải có trách nhiệm tháo dỡ để trả lại đất cho ông T.

- Ông T có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất được sử dụng theo quyết định của bản án tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai.

- Diện tích đất còn lại 975m² tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: khu phố Khang P, phường Quảng T, thị xã Sầm S, tỉnh Thanh Hóa tạm giao cho anh Nguyễn Văn T1 quản lý (có sơ đồ đất kèm theo bản án).

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/02/2021, bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Bản di chúc không đúng tên cụ N và dấu vân tay tại di chúc không đúng với dấu vân tay của cụ N. Người làm chứng tại bản

di chúc là ông Ngô Hồng T6 đã có lời khai xác nhận không chứng kiến cụ N lập di chúc mà do người nhà đưa đến cho ông T6 ký nên di chúc không hợp pháp. Vợ chồng cụ N không có giấy tờ, tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp; trong khi đó ông M1 đứng tên chủ sử dụng đất tại hồ sơ quản lý đất đai ở địa phương qua các thời kỳ, được UBND phường Quảng T và UBND thành phố Sầm S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế của ông M1, bà L. Văn bản chia đất ngày 17/4/2017 không có nội dung phân chia thừa kế, thời điểm đó thửa đất do ông M1 đứng tên chủ sử dụng hợp pháp nên vợ chồng ông M1 cho ông T chứ không phải vợ chồng cụ N cho. Do bản án sơ thẩm có vi phạm như đã phân tích nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bố mẹ để lại và mẹ ông đã cho ông 125m² đất nên yêu cầu anh T1 trả lại diện tích đất ông được cho và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông M1 và các con của ông M1.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn có mặt tại phiên tòa thống nhất nguồn gốc và diện tích đất ông T được cho như ông T trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận 125m² đất cho ông T như bản án sơ thẩm, bà T2 yêu cầu xem xét để có đất làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên và Liệt sỹ là chồng bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Nguồn gốc đất là của vợ chồng cụ N để lại, trên đất có nhà 5 gian. Việc ông M1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi thửa đất là di sản thừa kế chưa được phân chia, sau đó lại sang tên tách thửa cho các con của ông M1 trong đó có anh T1 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[I] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn và thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1 đảm bảo thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo là chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị

T4 (là các con của bà X) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. UBND thành phố Sầm S và UBND phường Quảng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các đương sự có mặt tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận và quyết định tiến hành xét xử.

[1.3] Về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng:

Cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1973) và cụ Lê Thị N (chết năm 2008) có 08 người con là ông Nguyễn Văn M (Liệt sỹ, hy sinh năm 1972, có vợ là bà Trần Thị T2, không có con), bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn M1 (chết năm 2017, có vợ là bà Ngô Thị L (chết năm 2005 và 04 người con là anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn H1, anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Văn Q1), ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị X (chết, có 02 người con là chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4) và ông Nguyễn Văn T.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 09/01/2018, bà Nguyễn Thị N2 cùng các anh, chị em trong gia đình là ông B, ông D1, ông D và ông T có đơn gửi Phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố Sầm S và UBND phường Quang T đề nghị ngăn chặn việc ông M1 chuyển quyền sử dụng đất của bố mẹ để lại, làm rõ và thu hồi việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông M1 và các anh, em bà phải được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật. Tại Thông báo số 263/TB-UBND ngày 06/7/2018 của Ủy ban nhân dân phường Quảng T, thành phố Sầm Sơn hoàn trả lại đơn đề nghị với lý do UBND phường Quảng T mời các ông, bà có đơn đề nghị nêu trên đến làm việc 02 lần nhưng các ông, bà vắng mặt không có lý do. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị N2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng tại Bản án sơ thẩm lại không đưa bà N2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N2. Tài liệu hồ sơ vụ án cũng không có bản tự khai hay tài liệu nào khác thể hiện ý kiến, quan điểm của bà Nguyễn Thị N2 (là một trong các đồng thừa kế của hai cụ) đối với thửa đất đang có tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều xác định bà N2 đã chết năm 2019. Do đó, cần phải thu thập tài liệu chứng cứ xác định bà N2 đã chết và đưa những người thừa kế của bà N2 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N2 để giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 04/10/2018 của những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn M1 thể hiện thửa đất số 84, Tờ bản đồ số 10 đang tranh chấp đã được phân chia cho 04 người con của vợ chồng ông Nguyễn Văn M1, bà Ngô Thị L là anh Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn P và Nguyễn Văn Q1. Những người con của ông M1, bà L

đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được phân chia thừa kế. Theo nội dung Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 02/3/2020 của UBND phường Quảng T, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2020 và lời trình bày của anh Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa phúc thẩm thì sau khi nhận thừa kế, anh T1 đã chuyển nhượng và tách thửa diện tích 100m² đất chuyển nhượng cho chị Dương Thị N1; thửa đất số 147 diện tích 124,3m² đất mang tên anh Phong đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H1, anh H1 đã làm thủ tục sang tên và chuyển nhượng cho anh Vũ Tiến T5 ngày 25/9/2019. Chị N1 và anh T5 đã xây nhà kiên cố ở trên đất nhận chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông M1 và những người nhận chuyển nhượng đất, xây dựng nhà ở trên đất vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngoài việc đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị anh T1 trả lại 125m² đất cụ N chia cho ông T, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông M1, anh T1 thì tại các bản tự khai của bà Trần Thị T2, ông Nguyễn Văn T yêu cầu giải quyết thừa kế theo pháp luật và các bản tự khai của ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn D1 đều yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất còn lại theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các yêu cầu này mà đã xác định bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập để không xem xét giải quyết trong cùng vụ án mà giành quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bằng vụ kiện khác là không đúng và không giải quyết được triệt để vụ án.

[3] Do Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng nêu trên mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn T1 cho rằng di chúc là giả mạo; yêu cầu giám định di chúc của cụ N sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý lại giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên anh Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm không trả lại cho anh T1; Tòa án cấp sơ thẩm sẽ tính vào nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa

án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về vụ án “Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị T2, ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn D1, Ủy ban nhân dân thành phố Sầm S, Ủy ban nhân dân phường Quảng T.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự trong vụ án được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa (kèm hồ sơ);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh